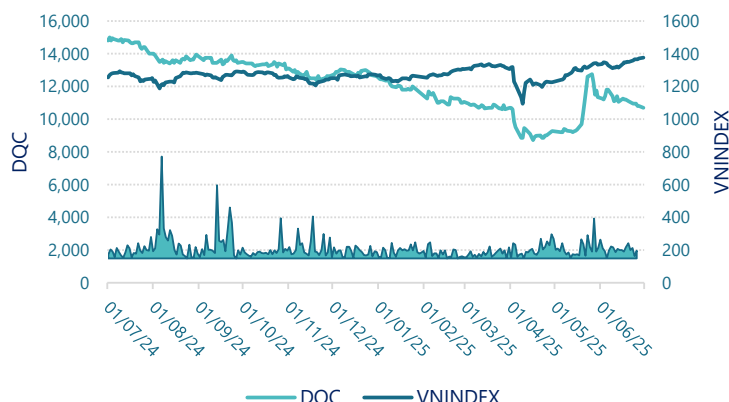


CTCP Tập đoàn Điện Quang (HSX: DQC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,720
SL cổ phiếu LH	27,558,066
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,600
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	295
P/E	-3.1
EPS	-3,443

DT thuần

Q2/25

187

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 9.4%

YoY: ▼ 19.0 | -9.2%

LN sau thuế

Q2/25

4.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.17 | 39.1%

YoY: ▲ 4.96 | 620%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.9%

+/- YoY: ▲ 2.6%

DT thuần

6T 2025

358

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 17.0 | -4.7%

LN sau thuế

6T 2025

7.15

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.73 | 1341%

ROE

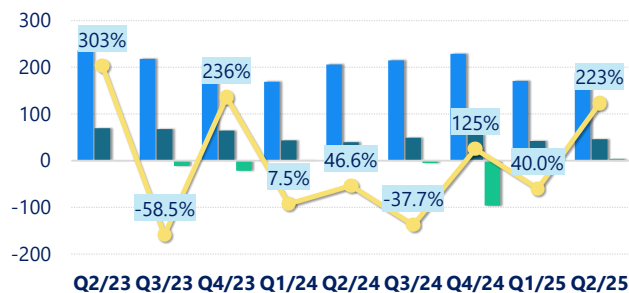
Q2/25

-11.3%

+/- YoY: ▼ 7.6%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



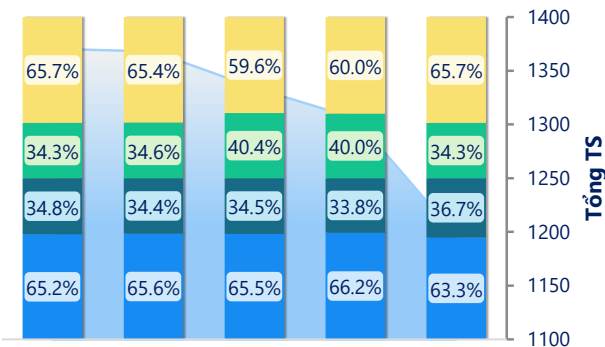
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

- Doanh thu thuần
- Lợi nhuận gộp
- Lợi nhuận sau thuế
- Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

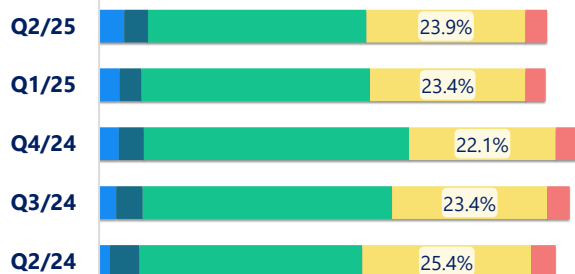


Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

- Tổng tài sản
- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

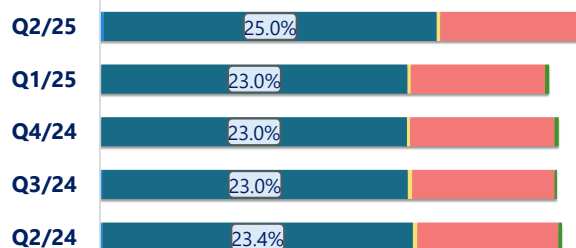
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



- Tiền và TĐ tiền
- Đầu tư TC ngắn hạn
- Phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

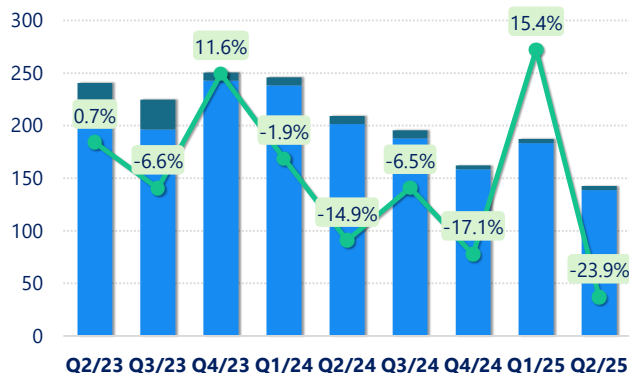


- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Bất động sản đầu tư
- Tài sản dở dang
- Đầu tư tài chính dài hạn
- Tài sản dài hạn khác
- Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



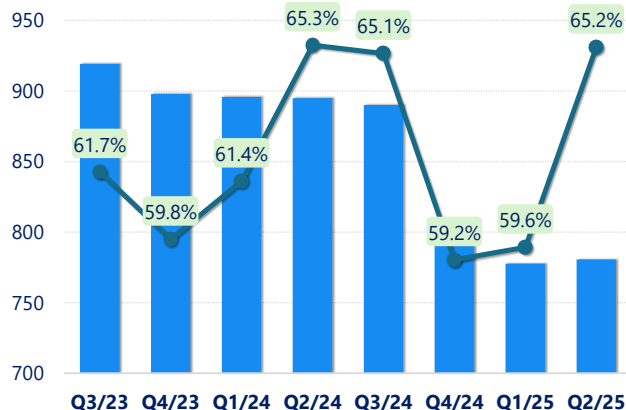
Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

- Vay và nợ thuê ngắn hạn
- Vay và nợ thuê dài hạn
- Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

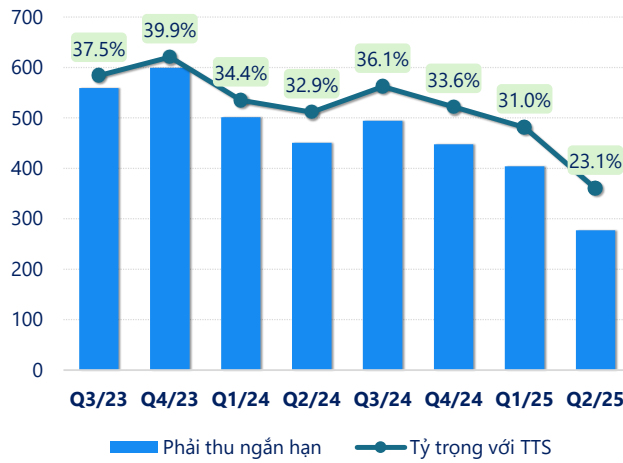


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25

- Vốn chủ sở hữu
- Tỷ trọng với TTS

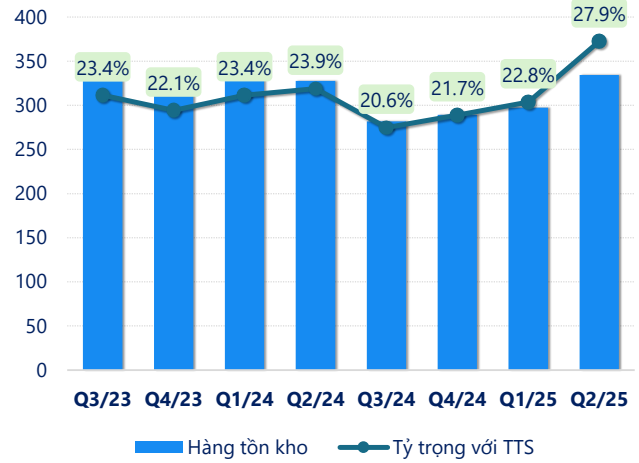
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


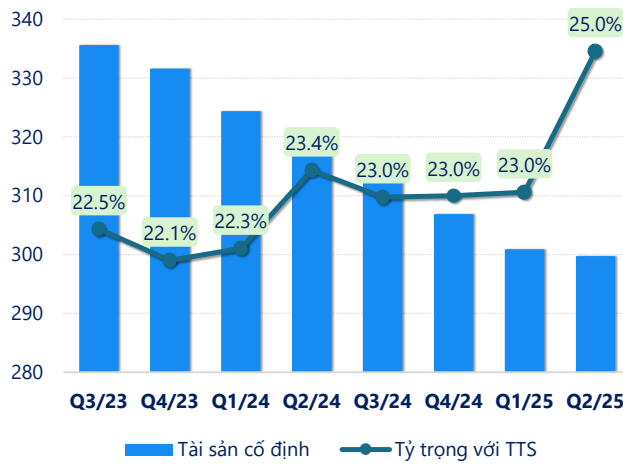
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


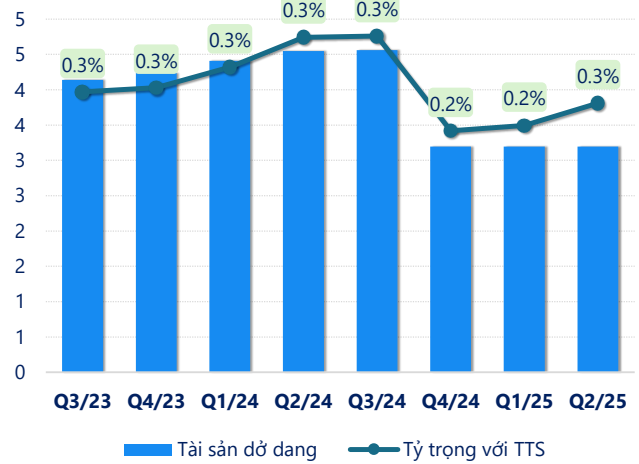
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

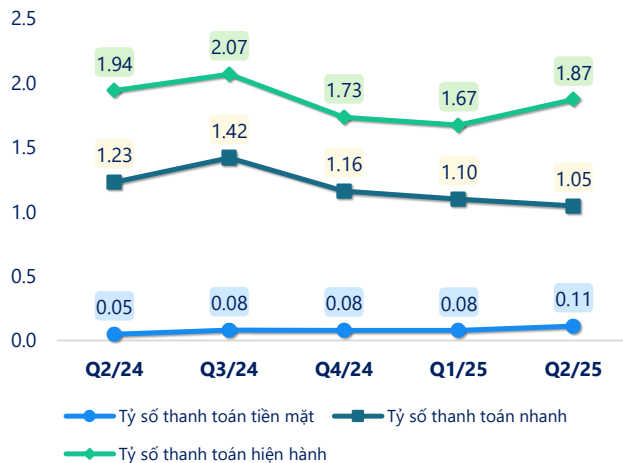
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

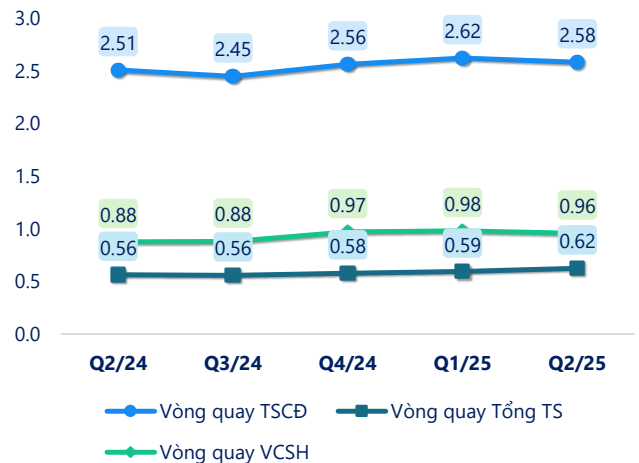
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,370	1,368	1,334	1,306	1,197
Tài sản ngắn hạn	894	898	874	864	758
Tiền và tương đương tiền	22.5	35.1	39.6	40.1	45.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.8	41.7	54.8	75.6	55.5
Phải thu ngắn hạn	451	494	448	404	277
Hàng tồn kho	328	282	289	297	334
Tài sản ngắn hạn khác	44.4	44.4	42.3	47.3	45.4
Tài sản dài hạn	476	470	461	441	439
Phải thu dài hạn	2.58	2.40	1.29	1.29	3.39
Tài sản cố định	320	314	307	301	300
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.55	4.56	3.19	3.19	3.19
Đầu tư tài chính dài hạn	145	146	145	132	130
Tài sản dài hạn khác	3.64	2.69	4.30	4.08	2.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	470	473	539	523	411
Nợ ngắn hạn	461	434	504	517	405
Vay và nợ thuê ngắn hạn	202	188	158	183	139
Phải trả người bán ngắn hạn	70.7	37.4	102	108	74.5
Nợ dài hạn	9.73	38.6	34.8	5.88	5.88
Vay và nợ thuê dài hạn	7.69	7.69	3.85	3.85	3.85
Nguồn vốn chủ sở hữu	900	895	795	783	786
Vốn chủ sở hữu	895	890	790	778	781
Vốn điều lệ	344	344	344	344	344
Kinh phí và quỹ khác	5.09	5.09	5.09	5.09	5.09

(Nguồn: fireant.vn)